

## GIẢI THÍCH PHẨM CHÍN MƯỜI: CHÚC LỤY

**KINH:** Bấy giờ Phật bảo A-nan: Ý ông nghĩ sao, Phật là đại sư của ông chăng? Ông là đệ tử của Phật chăng?

A-nan thưa: Bạch đức Thế Tôn! Phật là đại sư của con. Tu-già-đà là đại sư của con, con là đệ tử của Phật.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Ta là đại sư của ông, ông là đệ tử của Ta. Như những việc đệ tử cần làm ông đã làm xong. Nay A-nan! Ông dùng nghiệp từ của thân, nghiệp từ của miệng, nghiệp từ của ý mà cúng dường cung cấp cho Như Lai, thường làm đúng ý Như Lai, không có trái lỗi. Nay A-nan! Thân Như Lai hiện tại ông yêu kính cúng dường cung cấp, tâm ông thường thanh tịnh, sau khi Như Lai diệt độ, hết thấy sự ái kính cúng dường cung cấp nên ái kính cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật. Cho đến lần thứ hai, thứ ba Như Lai lấy Bát-nhã Ba-la-mật phó chúc cho ông. Nay A-nan! Ông chớ quên mất, chớ là người tối hậu làm dứt giống Phật. Nay A-nan! Tùy theo bao nhiêu lâu Bát-nhã Ba-la-mật trú ở đời, nên biết bấy nhiêu lâu có Phật trú ở đời thuyết pháp. Nay A-nan! Nếu có người chép Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, rộng vì người nói, nên cung kính, tôn trọng tán thán, hoa hương phan lọng, áo báu, đèn đuốc mỗi mỗi cúng dường người ấy, nên biết người ấy không lìa thấy Phật, không lìa nghe pháp, thường gần gũi Phật.

Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật xong, các Bồ-tát Di-lặc v.v... và Tuệ mạng Tu-bồ-đề, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-Diếp, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử, Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, A-nan v.v... cùng hết thấy đại chúng và hết thấy thế gian trời, người, Càn-thát-bà, A-tu-la nghe Phật thuyết đều rất hoan hỉ v.v...

**LUẬN:** Hỏi: Phật đã dứt tâm ưa đắm pháp, cho đến trí Nhất thiết chủng, Niết-bàn, còn không chấp trước, không thủ tướng, cớ sao nay dùng mỗi mỗi nhân duyên phó chúc pháp ấy, in tuồng như ưa đắm pháp?

Đáp: Chư Phật có tâm đại từ bi, từ khi mới phát tâm lại đây cho đến khi vào cửa Niết-bàn, thường không rời bỏ, ở giữa đôi cây Ta-la dùng sức tam-muội Kim-cang vì chúng sinh mà làm nát thân như mè, gạo để lại làm lợi ích, huống gì kinh pháp có nhiều lợi ích mà không phó chúc?

Lại, A-nan là người chưa lìa dục, chưa biết hết uy lực quả báo của Bát-nhã Ba-la-mật có nhiều lợi ích, vì thế ân cần phó chúc rằng: Ông nên khéo gìn giữ, không để quên mất. Vì vậy nên Phật tuy đối với hết thấy pháp không hề có thương ghét, tướng thường tịch diệt mà phó chúc

Bát-nhã ấy.

Hỏi: A-nan là người Thanh-văn, cố gì Phật đem Bát-nhã Ba-la-mật phó chúc mà không phó chúc cho các đại Bồ-tát như Di-lặc v.v...?

Đáp: Có người nói: A-nan thường hầu hai bên Phật, cúng dường sự cần dùng, được Đà-la-ni Văn trì. Nghe rồi nhớ giữ, một lần nghe nhớ mãi không quên. Đã là em chú bác của Phật, lại có nhiều bè bạn tiếng tăm rộng khắp, bốn chúng nương nhờ, là vị thầy thứ ba theo Phật chuyển bánh xe pháp. Phật biết Xá-lợi-phất thọ mạng ngắn ngủi, diệt độ sớm nên không phó chúc.

Lại, A-nan là thầy của năm trăm A-la-hán có đủ sáu thần thông, ba minh, và giải thoát. A-nan đã có nhiều lợi ích như vậy, nên phó chúc. Các đại Bồ-tát như Di-lặc v.v... sau khi Phật diệt độ mỗi mỗi phân tán, theo quốc độ thích ứng hóa độ chúng sinh. Di-lặc trở lại trên trời Đâu-suất; Tỳ-ma-la-cật, Văn-thù-sư-lợi cũng đi đến chỗ chúng sinh thích ứng để hóa độ. Phật lại do vì các vị Bồ-tát có sức hiểu sâu Bát-nhã Ba-la-mật nên không cần phải nhọc nhằn phó chúc. A-nan là người Thanh-văn, theo pháp Tiểu thừa, thế nên Phật ân cần phó chúc.

Hỏi: Nếu như vậy, thì kinh Pháp Hoa và các kinh Phương Đẳng khác cơ sao lại phó chúc cho các Bồ-tát Hỷ Vương v.v...?

Đáp: Có người nói: Khi ấy Phật thuyết pháp sâu xa khó tin, người Thanh-văn không ở tại đó. Lại như Phật thuyết kinh Giải thoát không thể nghĩ nghĩ, năm trăm A-la-hán ở bên Phật mà không nghe được; hoặc có khi nghe được mà không thể ứng dụng; thế nên phó chúc cho các Bồ-tát.

Hỏi: Lại có pháp gì sâu xa hơn Bát-nhã mà đem Bát-nhã phó chúc cho A-nan, còn các kinh khác phó chúc cho Bồ-tát?

Đáp: Bát-nhã chẳng phải là pháp bí mật; mà các kinh Pháp Hoa v.v... nói A-la-hán được thọ ký, chắc chắn làm Phật, đại Bồ-tát vẫn có thể thọ trì, ứng dụng; thí như thầy thuốc giỏi có thể dùng chất độc làm thuốc.

Lại nữa, như trước nói: Bát-nhã có hai, một là Bát-nhã nói chung cho Thanh-văn nghe, hai là chỉ nói cho mười phương đại Bồ-tát trú trong Thập địa nghe, chẳng phải Cửu địa nghe, huống nữa là Bồ-tát mới phát tâm! Lại có kinh Bồ-tát Cửu địa nghe được cho đến Sơ địa nghe được, mỗi mỗi không đồng nhau. Tướng chung của Bát-nhã Ba-la-mật là một mà sâu cạn có khác, thế nên đem phó chúc cho A-nan, không lỗi.

Hỏi: Trước đây thấy trong phẩm A-sơ Phật đã phó chúc, nay còn phó chúc, vậy có gì sai khác?

Đáp: Đạo Bồ-tát có hai: Một là đạo Bát-nhã Ba-la-mật, hai là đạo phương tiện. Trước phó chúc là nói thể tướng Bát-nhã Ba-la-mật xong, nay là nói khiến cho chúng sinh được phương tiện Bát-nhã ấy xong mà phó chúc; vì thế nên sau khi thấy Phật A-súc, tiếp nói phẩm Âu-hòa

Câu-xá-la. Trong Bát-nhã Ba-la-mật tuy có phương tiện, phương tiện tuy có Bát-nhã, mà tùy theo sự thọ dụng nhiều nên gọi tên. Bát-nhã và phương tiện, bản thể là một, vì chỗ dùng hơi khác cho nên nói riêng. Thí như thợ vàng vì phương tiện khéo léo nên lấy vàng làm các vật khác nhau, tuy đều là vàng mà tên gọi có mỗi mỗi khác. Bồ-tát được thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật ấy, nghĩa là hết thấy pháp là tính Không, tướng tịch diệt, không có sở hữu, tức là muốn diệt độ. Vì sức phương tiện nên không thủ chứng Niết-bàn. Khi ấy nghĩ rằng, hết thấy pháp là tính Không, Niết-bàn cũng không. Ta nay đối với công đức Bồ-tát chưa đầy đủ cho nên không nên thủ chứng; khi công đức đầy đủ mới có thể thủ chứng. Khi ấy Bồ-tát dùng sức phương tiện vượt qua địa vị Nhị thừa mà vào địa vị Bồ-tát. Trú trong địa vị Bồ-tát biết pháp sâu xa vì điều không có văn tự mà dẫn đường cho chúng sinh; ấy gọi là phương tiện.

Lại nữa, có phương tiện là, Bồ-tát biết hết thấy pháp rốt ráo tính Không, không có sở hữu mà có thể trở lại khởi lên pháp lành, hành sáu Ba-la-mật, không theo Không; hoặc có thể sinh bốn việc là hoặc nghi, hoặc tà kiến, hoặc vào Niết-bàn, hoặc làm Phật. Vì Bát-nhã có sự phân biệt như vậy, nếu có thể trừ tà nghi, không vào Niết-bàn, ấy là phương tiện. Có người nói: Bát-nhã Ba-la-mật có nhiều lợi ích, tối thắng đối với kho châu báu lớn. Phật biết sau khi diệt độ có nhiều giặc oán muốn hủy hoại Bát-nhã nên ở mỗi mỗi phẩm đều phó chúc còn không có lỗi, huống nữa là chỉ phó chúc hai lần.

Hỏi: Nếu phó chúc, cố gì ân cần, trịnh trọng như vậy?

Đáp: Vì theo pháp thế tục mà dẫn đường cho chúng sinh. Thí như chủ khách buôn muốn đi xa đến nước khác, tuy đem tài bảo phó chúc cho con mà riêng ngọc báu tốt đẹp, giá trị lớn mới ân cần phó chúc riêng, vì người con kia chưa biết rõ giá trị quý trọng của châu báu đẹp ấy. Những người khác vì thấy người chủ khách buôn là người biết giá trị của châu báu mà ân cần phó chúc nên chắc chắn biết thứ đó quý, còn nếu nghe người con kia khen ngợi giá trị châu báu thì không tin; Phật cũng như vậy.

Lại nữa, nếu giữa chúng khác và người khác mà khen ngợi Bát-nhã, phó chúc Bát-nhã thì người ta chê Phật tự khen ngợi tán thán pháp mình, nên sinh nghi mà không tin, còn đối với đệ tử phó chúc thì không có chê bai.

Lại có người nói: Ở phẩm trên Phật nói tướng tịch diệt không có hí luận là Nhất thiết trí, trong đó không có pháp quyết định có thể thủ đắc, thì người ta cho là không quý; nay ân cần phó chúc thì biết Phật không đăm trước pháp Không. Giữa hết thấy chúng sinh, người ái niệm

Bát-nhã không ai hơn Phật. Phật biết Bát-nhã có ơn sâu nên quý trọng Bát-nhã mà ân cần phó chúc.

Có người nói: Phật muốn hiện trung đạo nên phó chúc. Trước nói các pháp không để ngăn bên chấp hữu, nay ân cần phó chúc thì phá bên chấp Không; ấy là trung đạo. Đối với người cho rằng Phật có tâm tham, ưa đắm pháp ấy, thì Phật đã dùng các nhân duyên nói Bát-nhã Ba-la-mật tương Không; đối với người cho Phật rơi vào đoạn diệt nên Phật ân cần phó chúc. Như vậy là xa lìa hai bên.

Hỏi: Phật đã biết A-nan là đệ tử, cố gì còn hỏi A-nan rằng, ông là đệ tử của Như Lai chăng? Như Lai là thầy của ông chăng?

Đáp: Phật có người đệ tử ác là Tu-na-li-đa-la. Nhờ có chút ít nhân duyên nên làm đệ tử Phật. Vì muốn ở nơi Phật học cách bắn cung, Phật không nói cho, nên liền trở lại nói với Phật rằng: Tôi chẳng phải đệ tử Phật. Lại như Tu-thi-ma vì muốn trộm pháp nên làm đệ tử. Như vậy là hạng đệ tử chỉ trên danh dự.

Lại, ngoại đạo cho A-nan bất đắc dĩ mà ở bên Phật. A-nan đã từng làm đệ tử ngoại đạo, mặc áo cỏ, cầu thần tiên, nay vì Phật là thân tộc nên tôn trọng, cung cấp, hầu hạ. Do những việc như vậy nên ở giữa đại chúng Phật hỏi A-nan: Ông là đệ tử Như Lai chăng? Nếu nói là chân đệ tử thì nên theo lời dạy bảo của Như Lai. Thế nên A-nan vì muốn khiến người khác tin, nên đáp lại với Phật. Phật bảo A-nan: Việc người đệ tử nên làm ông đã làm đầy đủ. Phép của đệ tử là đem thân, miệng, ý lành mà cung cấp cho thầy. Có đệ tử tâm tốt mà thân miệng không xứng; có đệ tử nghiệp thân miệng tốt mà tâm không xứng. Như đệ tử đem tâm lành, rất ưa mến thầy, thân miệng tương xứng, không tiếc thân mạng, không ngại khó nhọc, tự bỏ tâm mình, theo lời dạy bảo của thầy, A-nan có đủ các việc ấy, nên Phật bảo A-nan: Nay ông hiện tại cung kính Như Lai, sau khi Như Lai diệt độ, hãy cung kính Bát-nhã cũng như vậy.

Hỏi: Bát-nhã là thầy của chư Phật, vì sao A-nan không cung kính thầy của Phật mà cung kính Phật?

Đáp: A-nan tuy chứng đạo quả thứ nhất, song vì lậu hoặc chưa hết nên không biết sâu Pháp bảo như Phật đã biết. Thế nên Phật bảo A-nan: Ông cung kính Bát-nhã tức là cung kính Như Lai.

Lại nữa, chúng sinh thấy Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, ánh sáng một trượng, thân kim sắc, nhiều người ái kính, còn Bát-nhã Ba-la-mật thì vi diệu, sâu xa, không hình, không sắc, chỉ người trí mới biết được. Thân Phật tướng tốt, người trí kẻ ngu đều thấy, đều không nhàm đủ, thế nên Phật đem thân ví dụ Bát-nhã. Khi Phật ở

đời có thể tự ngăn ma, vì vậy mà Phật bảo A-nan: Sau khi Như Lai diệt độ, hãy khéo gìn giữ Bát-nhã.

Hỏi: Phó chúc một lần là đủ, cứ gì đến ba lần?

Đáp: Phật rất ưa mến Bát-nhã Ba-la-mật, nên ba lần phó chúc.

Hỏi: Nếu rất ưa mến, sao giới hạn ba lần thôi?

Đáp: Thường thì pháp của chư Phật nói không quá ba. Nếu nói quá ba mà không theo thì thần cầm Kim ca đánh nát. Lại, ý của thần cầm Kim ca là nếu quá ba lần không theo, thì là người nghịch, hãy nên diệt đi. Thế nên Phật hỏi không quá ba lần.

Lại nữa, nói một lần thì còn chậm, còn nói quá ba lần thì rất gấp; giống như người phạm phu tham trước.

Lại nữa, tâm người lãnh thọ có ba hạng: Hạng độn căn phải nói đến ba lần mới sinh tâm thiện. A-nan tuy là lợi căn nhưng tâm còn Thanh-văn, chỉ cầu độ một mình, thế nên bảo ba lần. Sở dĩ phó chúc là vì không để pháp diệt tận. Ông nên giáo hóa đệ tử, đệ tử lại giáo hóa người khác, triển chuyển giáo hóa nhau; thí như một ngọn đèn lại thấp lên các ngọn đèn khác; ánh sáng triển chuyển nhiều ra.

Chớ làm người tối hậu dứt giống Phật, là người đời có con, nếu không có người thừa kế thì gọi là dứt giống, rất đáng hổ thẹn. Phật lấy thí dụ này bảo A-nan rằng, ông chớ làm giống Bát-nhã tuyệt dứt ngay nơi thân ông.

Hỏi: Như phẩm trước thuyết minh Bát-nhã Ba-la-mật, dù nói cũng không thêm, không nói cũng không bớt, vì tướng rớt ráo tịch diệt, nay cứ gì nói chớ để diệt mất? Thí như hư không, ai diệt mất được?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật tuy tịch diệt, tướng không sinh không diệt, như hư không không thể hí luận; nhưng văn tự ngữ ngôn chép quyển kinh Bát-nhã Ba-la-mật, vì người khác nói, Bát-nhã trong đây là từ trong nhân mà nói quả. Người phạm phu nghe Bát-nhã Ba-la-mật vì diệu liền sinh tâm chấp trước, thủ tướng Bát-nhã Ba-la-mật, phân biệt các pháp là lành, là chẳng lành, là thế gian, là Niết-bàn v.v... Vì phân biệt nên đối với pháp sinh tâm chấp trước, tâm chấp trước nên đấu tranh, đấu tranh nên gây tội nghiệp; người như vậy gọi là diệt Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật bảo A-nan: “Ông nên như tướng Bát-nhã Ba-la-mật, chớ chấp trước văn tự ngữ ngôn mà giáo hóa chúng sinh; ấy gọi là không làm diệt mất. Nay A-nan! Tùy theo bao lâu thời gian Bát-nhã ở đời thì biết bấy nhiêu thời gian Phật ở đời”, như trong Kinh đây Phật nói rộng. Phật ân cần phó chúc cho chúng sinh, ở hội chúng có người sinh nghi, thế nên

Phật nói nhân duyên của sự phó chúc là: Hễ có Bát-nhã ở đời thì là Phật ở đời. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Chư Phật lấy pháp làm thầy, mà pháp tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu thầy ở đời, mẹ ở đời thì không gọi là mất lợi. Vì sao? Vì lợi ích vốn tồn tại. Vì vậy nên nói Bát-nhã Ba-la-mật ở đời thì như Phật ở đời.

Lại, Pháp bảo không lìa Phật bảo. Bồ-tát có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình không gọi là Phật, mà có được Pháp bảo mới gọi là Phật. Pháp bảo tức là Bát-nhã Ba-la-mật; như người theo Phật được lợi ích cho đến giải thoát Niết-bàn. Như người đối với Bát-nhã có thể tin, thực hành, cũng do pháp ba thừa mà vào Niết-bàn; thế nên nói Bát-nhã ở đời như Phật ở đời nói Pháp không khác. Nay A-nan! Nếu người nghe lãnh thọ, viết chép, giữ gìn thì nên biết người ấy không rời sự thấy Phật, nghe Pháp, gần gũi Phật.

Hỏi: Người có tội nặng, ba nghiệp bất thiện thành tựu mà nghe, lãnh thọ, viết chép, giữ gìn Bát-nhã, cố sao người ấy được không xa lìa Phật, nghe Pháp, gần gũi Phật?

Đáp: Việc ấy như đã đáp ở trong phẩm trước. Người nghe Pháp có hai hạng: Một là hạng người chỉ nghe mà không thể tin thọ, thực hành; hai là hạng người nghe mà tin thọ, phụng hành. Như đê tử không nghe, không tin thọ, thực hành lời thầy; ấy gọi là không nghe. Nếu nhất tâm lắng nghe, tin thọ, phụng hành, chán thế gian, ưa Niết-bàn, lìa Tiểu thừa, ưa thích Đại thừa; nghe, lãnh thọ như vậy gọi là thật nghe; tụng, đọc cũng như vậy. Nhớ nghĩ đúng theo như ý Phật, xa lìa hai bên, hành trung đạo, đúng như chỗ được nghe, thọ trì và hiểu nghĩa Bát-nhã, vì người khác giảng nói, cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán, hoa hương, lúc mới đầu còn mỏng ít, cho đến nhớ nghĩ đúng, vì người khác nói, tâm kia càng sâu dày, công đức càng nhiều, bền chắc, không lay động.

Nếu nghe thầy dạy, hoặc thấy quyển kinh mà cúng dường hương hoa là, nếu người trí biết công đức của Bát-nhã mà cúng dường thì được phước đức dày, còn người không biết mà cúng dường thì được phước đức mỏng ít. Phước đức thuần hậu là dù chuyển đổi thân cũng không lìa sự thấy Phật, nghe Pháp, gần gũi Phật.

Phước đức mỏng ít là không nói rằng chuyển đổi thân, được ba phước báo, trả hết tội rồi lâu về sau cũng chắc chắn được làm Phật. Trong đây Phật tổng quát nói về phước đức thuần hậu, mỏng ít dần dần đều sẽ thấy mười phương Phật, nghe Phật nói Pháp, dần dần đủ sáu Ba-la-mật, đều được làm Phật. Phật dùng Phật nhãn thấy Bát-nhã Ba-

la-mật có sự lợi ích lớn cho chúng sinh như vậy nên ân cần phó chúc.

Hỏi: Các đại A-la-hán ấy đã thủ chứng thật tế, không còn lo mừng, vì mừng chút ít còn không có, huống nữa là vui mừng lớn?

Đáp: Các đại A-la-hán tuy xa lìa tham dục của ba cõi, mà vì chưa được Nhất thiết trí nên đối với pháp sâu xa còn hồ nghi không rõ ràng. Đây đối với Bát-nhã Ba-la-mật hiểu biết rõ ràng, dứt trừ nghi hoặc kia, thế nên vui mừng lớn.

Lại nữa, các đại đệ tử ấy đã thủ chứng thật tế. Thật tế tức là Không, không có tướng, không có lượng, không có phân biệt. Phật đối với pháp tịch diệt ấy mỗi mỗi phân biệt danh tự, ngữ ngôn, thí dụ, nói rộng mà cũng không phá hoại pháp tính, lại không trái với thế gian. Các A-la-hán vì chứng được pháp ấy nên vui mừng lớn. Phật khéo nói pháp tịch diệt không, vô tướng, vô lượng ấy, đại chúng tuy chưa sạch hết lậu hoặc, mà vì có sức tin sâu, nên cũng vui mừng lớn, nói rằng pháp ấy có thể dứt hết khổ sinh tử cho chúng ta, khiến được Phật đạo. Có vô lượng nhân duyên như vậy nên đại chúng đều hoan hỉ.

Hỏi: Nếu Phật phó chúc cho A-nan Bát-nhã Ba-la-mật ấy, thì sau khi Phật Niết-bàn, A-nan cùng với Đại Ca-diếp kết tập Kinh tạng, có gì trong ấy không nói đến Bát-nhã?

Đáp: Vì Đại thừa sâu xa, khó tin, khó hiểu, khó hành. Lúc Phật ở đời, có các Tỳ-kheo theo pháp Đại thừa do không tin không hiểu nên từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, huống nữa là sau khi Phật diệt độ! Thế nên không nói.

Lại nữa, ba Tạng chính thức có ba mươi vạn bài kệ và chín trăm sáu mươi vạn lời. Pháp Đại thừa rất nhiều, vô lượng vô hạn, như phẩm Bát-nhã Ba-la-mật trong đây có hai mươi hai ngàn bài kệ. Phẩm Đại Bát-nhã có mười ngàn bài kệ, ở chỗ các vua rồng, vua A-tu-la và trong các cung trời, Bát-nhã có ngàn vạn ức bài kệ. Vì sao? Vì chư Thiên, rồng, quỷ, thần, mạng sống lâu dài, có sức biết nhớ mạnh. Người đời nay thọ mạng ngắn ngủi, sức biết nhớ mỏng, tiểu phẩm Bát-nhã còn không thể tụng đọc, huống gì nhiều? Các đại Bồ-tát biết Bát-nhã Ba-la-mật vô lượng vô hạn. Vì sao? Vì Phật chẳng phải chỉ một thân nói Bát-nhã mà trong vô lượng đời hoặc biến hóa vô số thân nói Bát-nhã, nên có vô lượng.

Lại, kinh Giải thoát không thể nghĩ nghĩ có mười vạn bài kệ, kinh chư Phật bốn khởi, kinh Mây, kinh Mây lớn, mỗi mỗi có mười vạn bài kệ. Kinh Pháp Hoa, kinh Hoa Thủ, kinh Đại Bi, kinh Phương Tiện, kinh Vua rồng hỏi, kinh Vua A-tu-la hỏi, các kinh lớn ấy vô lượng vô biên,

như châu báu trong biển lớn, làm sao có thể đưa hết vào ba Tạng? Vật nhỏ có thể ở trong vật lớn, mà vật lớn thì không thể ở trong vật nhỏ? Nếu muốn hỏi thì nên hỏi rằng, vì cớ gì Tiểu thừa không ở trong Đại thừa mà Đại thừa có thể hàm chứa luôn cả Tiểu thừa? Thế nên ông không nên hỏi như vậy.

Lại nữa, có người nói: Như Đại Ca-diếp đem các Tỳ-kheo vào trong núi Kỳ-xà-quật kết tập ba Tạng. Sau khi Phật diệt độ, các đại Bồ-tát như Văn-thù-sư-lợi, Di-lặc v.v... cũng đem A-nan để kết tập kinh Đại thừa. Lại, A-nan biết trừ lượng ý chí nghiệp lực lớn nhỏ của chúng sinh. Thế nên không ở giữa hàng Thanh-văn nói pháp Đại thừa, vì sợ nói thì lầm loạn không thành tựu được. Phật pháp chỉ có một vị, đó là vị giải thoát hết khổ. Vị giải thoát ấy có hai: Một là chỉ giải thoát tự thân, hai là giải thoát chung hết tất cả chúng sinh. Tuy cùng cầu một cửa giải thoát mà có tự lợi và lợi người khác nhau, thế nên có Đại thừa, Tiểu thừa sai khác. Vì hai hạng người ấy nên miệng Phật nói ra đều dùng văn tự ngữ ngôn chia làm hai thứ. Ba Tạng là pháp Thanh-văn, Ma-ha-diễn là pháp Đại thừa.

Lại nữa, lúc Phật ở đời không có danh từ ba Tạng, chỉ có Tỳ-kheo thọ trì Tu-đa-la, Tỳ-kheo thọ trì Tỳ-ni, Tỳ-kheo thọ trì Ma-đa-la-ca.

Tu-đa-la là kinh trong bốn A-hàm, kinh trong Ma-ha-diễn. Tu-đa-la có hai phần: Một là Tu-đa-la trong bốn A-hàm, hai là kinh Ma-ha-diễn, gọi Tu-đa-la hai phần, vừa Đại thừa, vừa Tiểu thừa: hai trăm năm mươi giới, như vậy đều gọi là Tu-đa-la.

Tỳ-ni là nhân Tỳ-kheo tạo tội, Phật kiết giới, dạy việc nên làm, không nên làm, làm việc ấy mắc tội ấy, lược nói có tám mươi bộ, cũng có hai phần: Một là Tỳ-ni ở nước Ma-thâu-la, chứa A-ba-đà-na bản sinh, có tám mươi bộ; hai là Tỳ-ni ở nước Kế-tân, trừ bản sinh A-ba-đà-na, chỉ lấy việc thiết yếu làm mười bộ, có tám mươi bộ Tỳ-bà-sa giải thích. Thế nên biết kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật ở trong Tu-đa-la kinh, vì kinh lớn và vì sự việc khác cho nên nói riêng. Thế nên không tập vào trong ba tạng.

□